

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NAM LIÊN VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NAM LIÊN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM LIEN VIET INVESTMENT DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAMLIENVIET .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108342094

3. Ngày thành lập: 28/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25/630 đường Trường Chinh, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888 546 336

Fax:

Email: lienviet@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
3.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5.	Đúc kim loại màu	2432
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
9.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
10.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
11.	Xây dựng công trình công ích	4220
12.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
13.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
14.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
16.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
17.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
18.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
20.	Tái chế phế liệu	3830
21.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
22.	Xây dựng nhà các loại	4100
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
24.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới.	4610
26.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
27.	Bán buôn đồ uống	4633
28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
29.	Bán buôn tổng hợp	4690
30.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
31.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
34.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
35.	Điều hành tua du lịch	7912
36.	Đại lý du lịch	7911
37.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu	7730
39.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
40.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
41.	Khai thác và thu gom than non	0520
42.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
43.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Đúc sắt, thép	2431
46.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
47.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
48.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

49.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
50.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
51.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;	4659
57.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	8559
58.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết : - Dịch vụ tư vấn du học; - Tư vấn giáo dục;	8560
59.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
60.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
61.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
62.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
63.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
64.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
65.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
66.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
67.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
68.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513

69.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
70.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
71.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
73.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
74.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
75.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
76.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
77.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
78.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
79.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
80.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
81.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
82.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
83.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
84.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
85.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
86.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
87.	Bán mô tô, xe máy	4541
88.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830(Chính)
89.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
90.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
91.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
92.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
93.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

94.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
95.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
96.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
97.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
98.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
99.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
100.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
101.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
102.	Thu gom rác thải độc hại	3812
103.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
104.	Phá dỡ	4311

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ QUANG ÁNH	Thôn Tiên Phong, Xã Vũ Vân, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	306.000	3.060.000.000	34,000	151302890	
			Tổng số	306.000	3.060.000.000	34,000		
2	LÊ THỊ LIÊN	Xóm Chùa Tổng, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	22,000	0271900003 15	
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	22,000		
3	ĐINH MẠNH HÙNG	Tổ 13, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	22,000	012815957	
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	22,000		

4	TRẦN VĂN HUỖNH	Thôn Thị An, Thị Trấn Hưng Nhân, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	22,000	151911427	
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	22,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ QUANG ÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/01/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151302890

Ngày cấp: 02/04/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tiên Phong, Xã Vũ Vân, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1, ngách 77 ngõ 649 Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội